TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 04/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 04/02/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Xuân Đạm

2. Ông Bùi Quang Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 04/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 503/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Quang Đ, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm: 1977 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Ấp 7, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thạch Quang Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Đ và ông Trịnh Văn T tự nguyện sống chung vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hưng.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại Ấp 7, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan Đ, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, đến năm 2016 mâu thuẫn đã trầm trọng nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà Đ và ông T đã

ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay bà Đ xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, con tên Trịnh Mai Thi – sinh ngày: 15/10/1998, con tên Trịnh Văn Thách – sinh ngày: 18/9/2000, con tên Trịnh Thị Thơm – sinh ngày 20/8/2002. Khi ly hôn, đối với con tên Thi, con tên Thách đã trưởng thành, tôi không yêu cầu giải quyết, đối với con tên Thơm, bà Đ xin được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà Đ không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà Đ và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ và ông T không nợ ai và không ai nợ lại.

Đối với bị đơn ông Trịnh Văn T vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Căn cứ biên bản xác minh ngày 11/10/2019 của Tòa án xác minh tại Công an xã Lộc Hưng xác định: ông Trịnh Văn T có đăng ký hộ khẩu tại ấp 7, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, hiện nay vẫn còn sinh sống tại địa phương.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông T không đồng ý làm việc với Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Quan Đ của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét sử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Cho bà Đ được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Đ nuôi con tên Trịnh Thị Thơm – sinh ngày 20/8/2002. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Đ và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Thạch Quang Đ có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Trịnh Văn T. Xét thấy ông T cư trú tại ấp 7, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 28, Đ a khoản 1 Điều 35 và Đ a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành pháp luật. Bị đơn ông Trịnh Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Đ b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại UBND xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Đ, xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như thông báo về kết quả phiên họp. Tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, cũng không có lời khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét, giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ lời khai của bà Đ thì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã phát sinh từ năm 2010 do vợ chồng bất đồng quan Đ, thường xuyên cãi nhau. Tại phiên tòa bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định không còn tình cảm với ông T. Đối với ông T, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

[5]. Về con chung: Bà Đ và ông T có 03 con chung, con tên Trịnh Mai Thi – sinh ngày: 15/10/1998, con tên Trịnh Văn Thách – sinh ngày: 18/9/2000, con tên Trịnh Thị Thơm – sinh ngày 20/8/2002. Khi ly hôn, đối với con tên Thi, con tên Thách đã trưởng thành, bà Đ không yêu cầu giải quyết.

Đối với con tên Thơm, bà Đ xin được nuôi con tên Thơm. Xét thấy Trịnh Thị Thơm có ý kiến, nguyện vọng sống chung với bà Đ nên giao con tên Thơm cho bà Đ nuôi là phù hợp

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7]. Về tài sản chung: Bà Đ và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Quan Đ của đại diện Viện kiểm s át ph ù hợp nhận định của Hội đồng x ét xử n ên chấp nhận.

[10]. Về án ph í Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng d ân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ng ày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản l ý v à sử dụng án ph í v à lệ ph í T òa án th ì nguy ên đơn phải chịu án ph í d ân sự sơ thẩm trong vụ án ly h ôn kh ông phụ thuộc v ào việc T òa án chấp nhận hay kh ông chấp nhận y êu cầu của nguy ên đơn. Như vậy b à Đ phải chịu số tiền án ph í h ôn nh ân sơ thẩm l à 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

V ì c ác lẽ tr ên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ v ào khoản 1 Điều 28, Đ a khoản 1 Điều 35, Đ a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 v à khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng d ân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật d ân sự; khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ng ày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly h ôn của b à Thạch Quang Đ;

Về quan hệ h ôn nh ân: Cho b à Thạch Quang Đ được ly h ôn với ông Trịnh Văn T.

Về con chung: Giao cho b à Đ nu ôi con t ên Trịnh Thị Thơm – sinh ng ày 20/8/2002.

Về cấp dưỡng nu ôi con: b à Đ kh ông y êu cầu n ên Hội đồng x ét xử kh ông xem x ét.

Về t ài sản chung: B à Đ v à ông T tự thỏa thuận kh ông y êu cầu giải quyết n ên Hội đồng x ét xử kh ông xem x ét.

Về nợ chung: Kh ông c ó n ên Hội đồng x ét xử kh ông xem x ét.

2/ Về án ph í B à Đ chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ v ào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi h ành án d ân sự huyện Lộc Ninh theo bi ên lai thu tiền số 0000533 ng ày 09/10/2019.

3/ Quyền kh áng c áo: Nguyên đơn có mặt tại phi ên to à c ó quyền kh áng c áo bản án trong thời hạn 15 ng ày kể từ ng ày tuy ên án. Bị đơn vắng mặt tại phi ên t òa c ó quyền kh áng c áo bản án trong thời hạn 15 ng ày kể từ ng ày nhận được bản án hoặc bản án được ni êm yết theo quy định của ph áp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Tú

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*